TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/DS-ST
Ngày: 10/4/2023
"V/v tranh chấp hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Cơ.

2. Bà Nguyễn Hồng Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện M tham gia phiên toà: Ông Đặng Văn T - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 154/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/3/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trần Quang S** - Chủ Hộ kinh doanh T. Địa chỉ thường trú: Khu dân cư B, thôn D, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Địa chỉ hiện tại: ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Minh T1**, sinh năm 1995. Địa chỉ: ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (Văn bản ủy quyền ngày 19/12/2022) (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn:

1/ Ông **Trần Văn T2,** sinh năm: 1973 (Vắng mặt).

2/ Bà **Nguyễn Thị H,** sinh năm: 1975 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Trần Đình T3**, sinh năm: 1991. Địa chỉ: Số B đường số A, KDC L, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/8/2022 của nguyên đơn ông Trần Quang S - Chủ Hộ kinh doanh Tân Thành C cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin vắng mặt ghi ngày 23/3/2023 của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Minh T1 trình bày:

Ngày 16/03/2021, ông Trần Văn T2 và bà Nguyễn Thị H cùng ông Trần Quang S - chủ Hộ kinh doanh Tân Thành C có thỏa thuận về việc mua bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản nhằm mục đích để ông T2 và bà H nuôi tôm.

Theo thỏa thuận thì ông S bán cho ông T2 và bà H các sản phẩm như: Thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt Hoa, thuốc và hóa chất dành cho nuôi trồng thủy sản. Quá trình giao nhận hàng hóa thì hai bên sẽ ghi vào sổ theo dõi hàng hóa của mỗi bên. Về phương thức thanh toán, ông T2 và bà H có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho ông S khi thu hoạch tôm, trường hợp ông T2 và bà H nuôi tôm bị thất thu (tôm chết trước thời hạn thu hoạch) không đương nhiên làm mất nghĩa vụ thanh toán. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông S đã nhiều lần bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản cho ông T2 và bà H theo đúng đơn hàng yêu cầu. Sau khi nhận hàng, ông T2 và bà H đều ghi vào sổ theo dõi hàng hóa của hai bên và không có ý kiến phản đối gì về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa được nhận. Tuy nhiên, ông T2 và bà H đã không thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ khi thu hoạch tôm. Tính tới nay, ông T2 và bà H vẫn còn nợ ông S số tiền là: 72.570.000 đồng (bằng chữ: Bảy mươi hai triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng).

Nay nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc ông Trần Văn T2 và bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Trần Quang S - chủ Hộ kinh doanh Tân Thành C số tiền là 72.570.000 đồng (bằng chữ: Bảy mươi hai triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/12/2022 bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Vợ chồng bà H, ông T2 không quen biết và cũng không có ký hợp đồng mua bán với ông Trần Quang S - chủ Hộ kinh doanh Tân Thành C và cũng không có thiếu nợ của ông Trần Quang S - chủ Hộ kinh doanh T. Bà H cho rằng mọi giao dịch thỏa thuận mua bán là với ông Trần Đình T3 và thiếu nợ là nợ của ông T3 số tiền 72.570.000 đồng. Do đó bà không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn ông Trần Văn T2 đã được Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự nhưng ông T2 vắng mặt không có lý do cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại biên bản lấy khai ngày 07/12/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Đình T3 trình bày:

Trước đây ông T3 là nhân viên của Hộ kinh doanh T4 (hiện nay đã nghỉ việc) nên ông T3 có đại diện cho H1 kinh doanh Tân Thành C đứng ra giao dịch thỏa thuận mua bán thức ăn tôm với ông T2, bà H còn hợp đồng mua bán thì bà H, ông T2 ký với H1 kinh doanh Tân Thành C và thiếu tiền thức ăn cũng là bà H, ông T2 thiếu của H1 kinh doanh Tân Thành C chứ không phải thiếu nợ ông T3, việc Hộ kinh doanh T4 khởi kiện yêu cầu ông T2, bà H trả số tiền còn nợ 72.250.000 đồng là có căn cứ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện và chấp hành đúng quy định pháp luật do vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải; bị đơn đã được cấp tống đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt, do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Trần Văn T2, bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trần Quang S - Chủ Hộ kinh doanh T số tiền 72.570.000 đồng. Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đại diện hợp pháp của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Trần Văn T2, bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Trần Quang S - Chủ Hộ kinh doanh Tân Thành C yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về hợp đồng mua bán đối với bị đơn ông Trần Văn T2, bà Nguyễn Thị H cư trú tại ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc vợ chồng ông Trần Văn T2, bà Nguyễn Thị H trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ 72.570.000 đồng. Thấy rằng để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình thì phía nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án hợp đồng mua bán ngày 17/02/2022, bảng đối chiếu công nợ ngày 06/8/2022 giữa nguyên đơn ông Trần Quang S - Chủ Hộ kinh doanh T với ông Trần Văn T2, bà Nguyễn Thị H có chữ ký của ông T2, bà H, đồng thời có sổ giao nhận hàng hóa giữa hai bên thể hiện số tiền còn nợ là 72.570.000 đồng, bị đơn bà Nguyễn Thị H không thừa nhận có thỏa thuận mua bán và thiếu nợ của nguyên đơn mà cho rằng có thỏa thuận mua bán với kỹ sư T3, mọi giao dịch mua bán giao nhận thức ăn đều là với kỹ sư T3 và nợ tiền thức ăn cũng là nợ tiền của kỹ sư T3. Tuy nhiên theo lời khai của ông Trần Đình T3 (kỹ sư T3) thì trước đây ông T3 làm việc cho H1 kinh doanh Tân Thành C nên việc ông T3 đến thỏa thuận mua bán với bị đơn là thay mặt Hộ kinh doanh Tân Thành C, bị đơn nợ số tiền thức ăn 72.570.000 đồng là nợ ông Trần Quang S - Chủ Hộ kinh doanh T mà không phải nợ ông T3. Đồng thời chứng cứ bị đơn cung cấp cho Tòa án là sổ giao nhận và số tiền nợ thức ăn có thể hiện đúng số tiền nguyên đơn yêu cầu và trong sổ có kèm tên H1 kinh doanh Tân Thành C (kỹ sư T3). Do đó từ các căn cứ nêu trên có đủ cơ sở khẳng định việc bị đơn thiếu nợ tiền thức ăn tôm số tiền 72.570.000 đồng là nợ tiền của ông Trần Quang S - Chủ Hộ kinh doanh T.

[4] Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn ông Trần Quang S - Chủ Hộ kinh doanh Tân Thành C số tiền 72.570.000 đồng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu; Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 3.612.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 194, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quang S - Chủ Hộ kinh doanh T.

Buộc ông Trần Văn T2, bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trần Quang S - Chủ Hộ kinh doanh T số tiền 72.570.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trần Văn T2, bà Nguyễn Thị H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.612.000 đồng.

Nguyên đơn ông Trần Quang S - Chủ hộ kinh doanh Tân Thành C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.815.000 đồng theo biên lai thu số 0005567 ngày 14/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

4. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Thị Kiều Oanh